

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

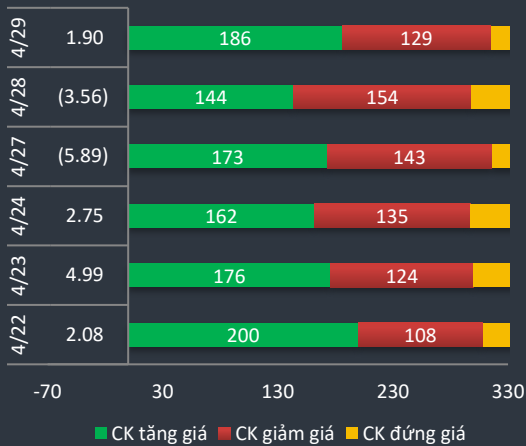
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.3**

Tin Doanh nghiệp **P.4**

Bộ lọc CP **P.5**

### Độ rộng thị trường



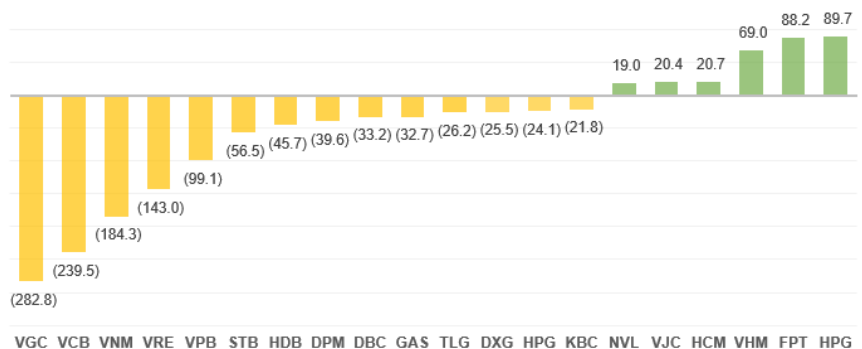
### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VHM	22.8
VJC	19.9
NVL	16.6
CTG	16.3
DHC	15.8
PDR	9.7
VCS	6.2
DGW	5.6
HDB	(8.9)
TNG	(9.3)
VPI	(9.4)
TLG	(10.8)
VPB	(11.9)
GAS	(14.7)
SFI	(15.7)
KBC	(17.7)
VRE	(26.1)
VCB	(60.0)
VNM	(75.6)
VGC	(283.3)

Chỉ số Vnindex phiên cuối trước kỳ nghỉ lễ xanh nhẹ nhàng sau hai phiên liên tiếp mất điểm trước đó. Số cổ phiếu tăng chiếm áp đảo hơn hẳn và thanh khoản cũng cải thiện hơn 20% nhờ giao dịch đột biến từ CTG, VNM, VHM. Phía blue chip nổi bật trong ngày có CTG, HVN, GVR, POW tăng khá tốt. Là ngày cơ cấu danh mục của quỹ VFMVN30 ETF vì vậy có một chút biến động ở nhóm cổ phiếu lớn đặc biệt là ở nhóm cổ phiếu ngân hàng. 2/3 số cổ phiếu VN30 tăng điểm trong ngày nhưng không đủ kéo Vnindex do SAB, VHM, VPB, VNM đều mất điểm.

Nhóm sẫm lớp nổi bật trong ngày ở CSM và DRC mà lý do quan trọng nhất chính là giá nguyên liệu giảm mạnh giúp DN thu lợi nhuận nhiều hơn dù doanh số bán hàng có giảm đi. Như DRC có doanh thu đạt 803 tỷ đồng Q1.2020, giảm nhẹ 2.4% so với cùng kỳ nhưng giá vốn giảm mạnh gần 8% đã giúp lãi gộp tăng 47.5% dẫn tới LN đạt 37.4 tỷ đồng, gấp 2.2 lần cùng kỳ. Riêng CSM cả doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng, riêng LN đạt 12.7 tỷ - gấp 6 lần cùng kỳ.

Khối ngoại bán ròng 500 tỷ đồng trong phiên cuối tuần, trong đó riêng VGC là 283 tỷ. Tính chung 3 ngày trong tuần khối ngoại bán ròng gần 1,400 tỷ trong đó chủ yếu là VCB, VNM, VRE, VPB và STB. Phía mua ròng có một vài cổ phiếu mua ròng từ 80 – 90 tỷ như HPG, FPT, VHM.

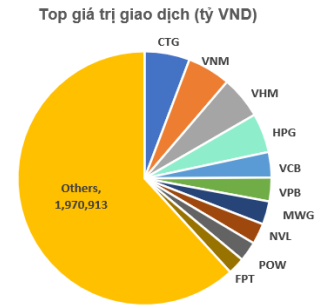


# Vnindex 769.11

▲ +1.9 (+0.25%)

## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VEA	38.0	2,200	6.15
CTG	20.0	950	4.99
ACV	59.3	2,100	3.67
BSR	6.0	200	3.45
GVR	11.2	350	3.24
HVN	26.9	800	3.07
POW	10.6	250	2.43
VJC	115.5	2,600	2.30
VRE	23.1	350	1.54
PLX	40.3	600	1.51
VCB	68.0	1,000	1.49
BID	35.6	450	1.28
ACB	20.5	200	0.99
MWG	81.7	800	0.99
GAS	63.4	600	0.96
MBB	16.0	150	0.95
TCB	17.2	100	0.58
HDB	20.7	100	0.49
HPG	21.5	100	0.47
MCH	67.5	300	0.45
BVH	46.2	100	0.22
FPT	50.8	100	0.20
NVL	53.2	100	0.19
VGI	25.8	-	-
VIC	91.9	(100)	(0.11)
TPB	17.4	(100)	(0.57)
SHB	15.9	(100)	(0.63)
EIB	15.0	(150)	(0.99)
VNM	99.0	(1,500)	(1.49)
MSN	58.8	(900)	(1.51)
VHM	63.6	(1,000)	(1.55)
VPB	20.5	(500)	(2.38)
SAB	163.0	(7,000)	(4.12)



Chỉ số Vnindex đang đi ngang trong biên độ hẹp và sẽ còn tiếp diễn trong vài tuần đầu tháng 5. Sự phân hóa sẽ diễn ra mạnh hơn ở các nhóm ngành mà dự báo được hưởng lợi từ giá dầu và cả Covid như nhóm sầm lổp, xây dựng và đặc biệt nhóm bất động sản khu công nghiệp dự báo sẽ tăng tốc mạnh. Với những doanh nghiệp đang có quỹ đất sẵn và dồi dào về dòng tiền thì cơ hội phát triển dài hạn có nhiều lợi thế hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành. Đây cũng là lĩnh vực sẵn sàng tiếp nhận làn sóng FDI sẽ dịch chuyển vào VN trong thời gian tới.

Giai đoạn hiện tại khả năng chỉ số index sẽ khó có sự bức phá mạnh nhưng thị trường vẫn có những đợt sóng ngắn chủ yếu ở từng nhóm cổ phiếu có câu chuyện tăng trưởng riêng.

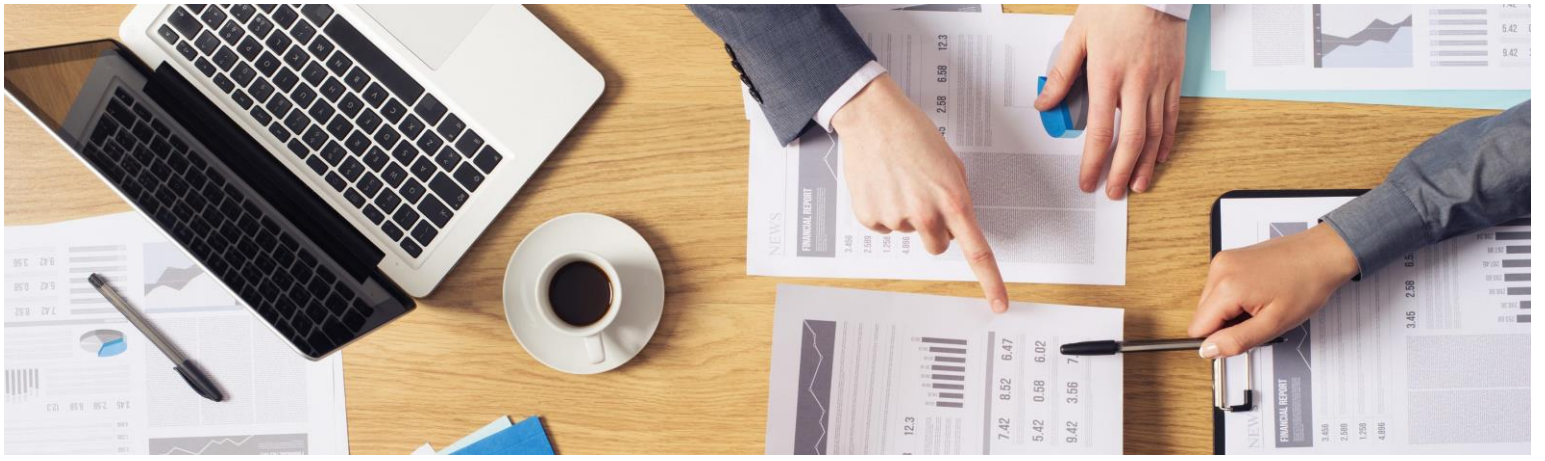
## Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng mua	Close / Support
VPB	20.5	1.50	17	27	Mua quanh 19-20. Mục tiêu 24-25	20.6%
VCI	17.6	(3.80)	15	25	Mua quanh 17. Mục tiêu 20	17.3%
CTD	62.7	10.60	54	69	Mua quanh 55-58	16.1%
AAA	12.4	3.30	10.5	15	Mua quanh 11. Mục tiêu 15	18.1%
PHR	45.2	7.60	38	50	Mua quanh 38-42. Mục tiêu 50-60	18.9%
D2D	56.8	7.20	42	65	Nắm giữ - mục tiêu 65	35.2%
POW	10.6	11.30	8	11	Mua dần tích lũy quanh 8-9	32.5%
VCB	68.0	(1.90)	60	80	Mua quanh 60 - 65. Mục tiêu 80	13.3%
FPT	50.8	(0.60)	40	60	Mua quanh 40-45	27.0%
VNM	99.0	1.50	90	120	Mua quanh 95-100. Mục tiêu 120	10.0%
TLG	31.4	4.70	26	40	Mua quanh 28-30. Mục tiêu 40	20.8%
DRC	19.3	3.50	16	22	Mua quanh 18-19. Nắm giữ	20.6%



### Cổ phiếu đang dò đáy:

Ticker	Close	% 1D	% tuần trước	Tăng so với Đáy	So với đỉnh 1Y	Vol 3T	RSI	StochK
CTI	19	0.00	(1.60)	0.00	(25.80)	153,951	30.5	40.2
VND	11	0.92	(1.80)	0.90	(32.30)	648,638	39.2	42.0
EIB	15	(0.99)	(2.60)	2.40	(20.40)	392,796	37.1	27.5
CRE	15.3	(0.65)	3.00	3.40	(40.90)	179,447	40.7	56.7
BOT	54	1.12	(0.70)	3.80	(6.10)	28,316	36.9	27.1
NVL	53.2	0.19	1.30	4.30	(16.90)	646,070	62.9	64.9
HNG	12.9	(0.77)	1.60	5.70	(32.10)	294,572	54.8	48.7
IBC	20.4	(0.25)	(0.20)	6.00	(8.30)	114,696	31.6	87.7
TPB	17.4	(0.57)	(1.70)	7.40	(31.80)	276,998	41.1	33.9
VCG	25.9	1.57	3.60	7.50	(7.10)	142,410	76.1	100.0
MBS	9.1	0.00	0.00	8.30	(36.10)	74,447	42.8	86.7
GEG	20.8	1.96	3.00	8.60	(28.50)	322,951	52.1	77.0
VPI	42.2	0.96	1.90	8.90	(0.80)	514,450	59.8	54.5
DIG	11.3	(0.88)	(0.90)	9.20	(25.20)	1,640,444	48.3	56.7
REE	30	(1.15)	1.90	9.90	(20.60)	685,931	49.4	58.0
CII	19.9	0.00	1.30	10.30	(23.70)	869,833	52.4	73.7
NVB	7.9	(1.25)	(1.20)	11.30	(18.60)	2,434,076	39.7	41.7
DPG	24	(2.04)	(3.40)	12.70	(55.10)	350,276	44.9	38.9
DVN	10.6	(0.93)	1.00	12.80	(29.30)	167,070	49.1	59.7



## Thống kê nhóm cổ phiếu lớn:

Ticker	Close	Vol 3T	RSI	StochK	Tăng so với Đáy 1Y	Giá so với đỉnh 1Y	Low 52W	High 52W	EPS	BV	PE	P/Bv
SHB	15.9	12,010,022	58	52	224.5%	-11.7%	4.9	18	2,043	15,551	7.78	1.02
HVN	26.9	1,359,693	64.1	26.8	51.1%	-38.9%	17.8	44	1,645	13,106	16.35	2.05
BVH	46.2	578,968	50.7	45.4	43.0%	-46.8%	32.3	86.8	1,551	26,678	29.79	1.73
SAB	163	85,803	54.4	35.4	41.1%	-42.2%	115.5	282.1	7,880	31,306	20.69	5.21
MWG	81.7	1,565,176	53.7	52.6	38.7%	-36.2%	58.9	128	8,660	27,431	9.43	2.98
GVR	11.2	866,723	60.9	85.4	34.9%	-32.5%	8.3	16.6	831	12,689	13.48	0.88
HPG	21.5	8,409,197	59.9	50.8	32.7%	-18.3%	16.2	26.3	3,023	17,307	7.11	1.24
VRE	23.1	2,869,608	45.7	24.4	30.5%	-38.4%	17.7	37.5	1,224	11,860	18.87	1.95
VIC	91.9	979,008	46.4	31.5	28.5%	-27.1%	71.5	126.1	2,280	35,802	40.31	2.57
FPT	50.8	2,107,670	57.4	49.2	25.7%	-16.7%	40.4	61	4,796	24,768	10.59	2.05
VPB	20.5	4,262,640	48.9	59.5	20.6%	-28.8%	17	28.8	3,373	17,315	6.08	1.18
VJC	115.5	350,676	58.4	30.2	20.6%	-22.1%	95.8	148.2	7,881	29,236	14.66	3.95
MSN	58.8	2,236,300	58.1	64.2	20.0%	-35.6%	49	91.3	4,765	44,389	12.34	1.32
HDB	20.7	1,754,392	46.5	60.4	19.7%	-31.0%	17.3	30	3,675	19,442	5.63	1.06
VCB	68	1,468,068	44.7	26.3	18.9%	-28.0%	57.2	94.5	4,996	21,808	13.61	3.12
VNM	99	1,651,093	50.7	46.2	18.3%	-25.8%	83.7	133.4	6,076	17,073	16.29	5.80
BID	35.6	1,275,236	45.6	46.5	18.3%	-35.9%	30.1	55.5	2,379	19,307	14.96	1.84
MBB	16	6,743,951	47	41.5	17.6%	-31.9%	13.6	23.5	3,596	17,150	4.45	0.93
GAS	63.4	768,250	46	38.5	17.6%	-42.6%	53.9	110.4	6,219	25,923	10.19	2.45
PLX	40.3	897,845	48.8	38.4	17.5%	-35.7%	34.3	62.7	3,617	21,800	11.14	1.85
CTG	20	6,708,901	50.7	61.1	16.3%	-28.1%	17.2	27.8	2,541	20,775	7.87	0.96
VHM	63.6	1,063,077	41.9	10.2	16.1%	-36.1%	54.8	99.5	6,366	19,686	9.99	3.23
TCB	17.2	2,394,101	47.1	66.8	15.4%	-31.5%	14.9	25.1	2,967	17,734	5.80	0.97
ACB	20.5	4,689,451	49.5	58.9	15.2%	-22.9%	17.8	26.6	4,335	16,761	4.73	1.22
NVL	53.2	646,070	62.9	64.9	4.3%	-16.9%	51	64	3,682	25,230	14.45	2.11

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE

HMC	5.58
CLG	5.67
ATG	5.77
BMI	6.35
MCG	6.67
PXS	6.73
SJF	6.79
DHM	6.84
TLĐ	6.89
DGW	6.90
OGC	6.94
CCL	6.96
PDR	6.99

## Top tăng giá HNX

KLF	9.09
PLC	9.68
HHG	10.00
SRA	10.00
PVX	12.50
VIG	12.50
ACM	25.00
NHP	25.00

**VHM** - CTCP Vinhomes – Đã công bố báo cáo kết quả kinh doanh Q1/2020 với doanh thu 6.519,2 tỷ đồng, lợi nhuận là 7.645,1 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 11,39% và 184,52% so với cùng kỳ.

**HPG** - Tập đoàn Hòa Phát - Quý I/2020 với doanh thu đạt 19.232 tỷ đồng, tăng 29% cùng kỳ. Sau khi trừ chi phí lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 2.285 tỷ đồng, tăng 27% cùng kỳ; mức cao nhất kể từ quý III/2018. Công ty lý giải lợi nhuận tăng mạnh nhờ sản lượng bán thép tăng, giá vốn tốt và mảng nông nghiệp bắt đầu tạo lợi nhuận khả quan.

**HĐG** - CTCP Tập đoàn Hà Đô – Đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ hơn 2,07 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Hà Đô 45, tương đương 51,25%/vốn của Hà Đô 45.

**IMP** - CTCP Dược phẩm Imexpharm - Đã thông qua kết quả kinh doanh quý I/2020 với tổng doanh thu thuần và thu nhập hơn 304 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 51,4 tỷ đồng.

**BMP** - Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh – Đã công bố kết quả kinh doanh quý I/2020 với doanh thu 1.019,8 tỷ đồng, lợi nhuận 102,4 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 9,5% và 12,39% so với cùng kỳ.

**NKG** - CTCP Thép Nam Kim – Đã thông qua phương án mua lại 10 triệu cổ phiếu quỹ. Phương thức giao dịch là khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận. Thời gian giao dịch tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch và sau khi được UBCK chấp thuận. Công ty dự kiến sẽ thực hiện trong quý II/2020.

**VSC** - Công ty cổ phần Container Việt Nam – Quý 1/2020 ghi nhận doanh thu thuần hơn 408 tỷ đồng, giảm 3,5% so với cùng kỳ. Giá vốn giảm nhiều hơn giúp lợi nhuận gộp tăng 1,7%, đạt gần 102 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 57,2 tỷ đồng tăng gần 42%.

**OIL** - Tổng công ty Dầu Việt Nam - Doanh thu trong quý đạt 17.684 tỷ đồng, tăng 4%. Giá vốn tăng mạnh hơn 8% nên lãi gộp giảm 89% xuống 64 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí OIL báo lỗ kỷ lục 423 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước lãi 32 tỷ đồng.

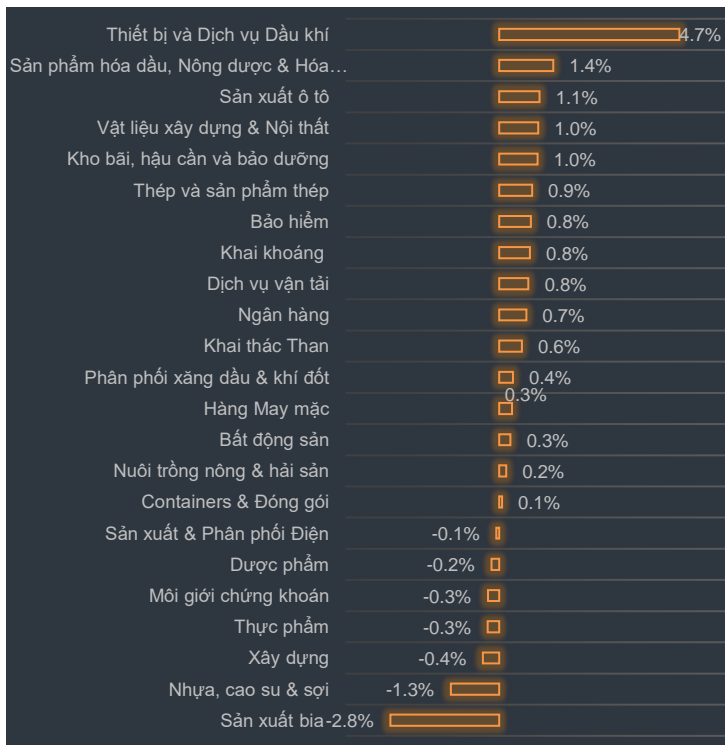
**VTH** - Công ty Dây cáp điện Việt Thái - Đã không thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Theo tờ trình phát hành riêng lẻ ban đầu, công ty muốn phát hành thêm 2 triệu cổ phiếu cho công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Thiết kế Xây dựng An Lạc Phát, tương đương với tỷ lệ 40%. Hiện vốn điều lệ của Việt Thái là 50 tỷ đồng.



Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng Q1/2020	+/- Cùng kỳ(%)	EPS Lũy kế 4 quý	P/E Hiện tại
2	3	4	5	6	7
DDG	HNX	0.58	(72.7)	1,068	26.4
CRE	HOSE	43.25	(45.4)	4,356	3.5
CTF	HOSE	0.50	(98.0)	279	78.1
GKM	HNX	1.45	317.9	295	57.6
NAP	HNX	2.69	115.6	459	28.5
TTL	HNX	1.07	641.1	449	14.5
CDN	HNX	56.10	36.9	2,021	8.9
SZB	HNX	20.94	5.3	3,254	9.2
HUB	HOSE	10.66	(7.6)	4,155	3.8
SII	HOSE	(9.06)	(190.7)	423	47.2
BCF	HNX	24.24	209.1	4,653	11.8
L14	HNX	7.72	(51.9)	4,122	13.8
DSN	HOSE	4.43	(77.5)	6,621	6.6
TDW	HOSE	10.58	82.5	2,921	8.0
SZC	HOSE	53.66	189.8	1,706	9.7
WCS	HNX	15.76	(6.2)	27,013	5.8
PDN	HOSE	31.22	(7.9)	8,077	7.7
LIX	HOSE	64.08	66.5	6,308	8.4
HGM	HNX	1.78	(61.1)	291	123.7
TV3	HNX	1.24	69.9	2,121	10.8
NNC	HOSE	21.25	(19.4)	5,370	8.4
D2D	HOSE	48.71	24.4	21,864	2.5
BTP	HOSE	28.30	20,622.0	3,872	4.1
BSI	HOSE	(60.73)	(277.1)	155	52.3
PSI	HNX	0.08	(99.3)	117	17.9
ART	HNX	(38.04)	(1,023.6)	409	5.6
BTW	HNX	20.80	104.0	4,660	10.5
NET	HNX	32.16	108.1	4,377	11.2
GDW	HNX	4.75	(38.6)	1,518	25.9
IVS	HNX	6.46	267.7	(1,023)	(7.7)
APG	HOSE	2.51	13.1	855	10.8
DBC	HOSE	348.72	1,638.7	7,004	3.5
VCS	HNX	304.29	17.2	9,197	6.6
VC3	HNX	0.33	(97.1)	1,141	14.6
TNG	HNX	33.59	(10.0)	3,748	3.2
UIC	HOSE	15.51	27.7	7,862	5.0
VMC	HNX	0.87	(85.0)	633	15.3
SC5	HOSE	5.25	(55.4)	1,819	10.1
BVS	HNX	(22.70)	(177.3)	1,143	7.8

VDS	HOSE	(88.37)	(517.9)	(748)	(7.9)
SJD	HOSE	13.92	(28.1)	2,149	7.7
FMC	HOSE	40.31	(1.4)	5,213	4.1
ABT	HOSE	0.71	(93.6)	3,362	10.5
DHA	HOSE	16.43	(1.5)	4,596	7.2
SSC	HOSE	3.48	(83.8)	4,193	12.7
AAV	HNX	3.78	(39.8)	854	6.0
CAG	HNX	0.62	(27.3)	271	317.0
TDM	HOSE	30.53	(14.7)	2,148	8.8
S4A	HOSE	1.94	(77.8)	2,541	10.4
SKG	HOSE	5.49	(80.8)	1,414	6.5
PVB	HNX	48.70	504.0	4,692	3.0
MCF	HNX	3.04	47.6	1,040	8.7
PIC	HNX	2.39	(77.5)	316	27.2
BAX	HNX	4.90	(88.1)	5,955	6.6
PGD	HOSE	49.71	15.2	2,670	11.8
EVS	HNX	(11.30)	(292.5)	(151)	(53.6)
CCI	HOSE	8.46	182.1	1,999	6.9
FTS	HOSE	(97.23)	(194.4)	119	93.3
PPC	HOSE	135.18	(44.3)	3,618	6.6
STC	HNX	0.54	(66.0)	2,545	5.6
TNC	HOSE	24.77	1,633.5	3,190	4.9
HJS	HNX	10.78	49.3	2,501	9.6
GTA	HOSE	4.68	(0.5)	1,859	6.1
VTB	HOSE	3.75	10.3	1,227	8.1
SMC	HOSE	10.21	(71.1)	1,302	8.8
CLC	HOSE	25.25	(18.3)	5,147	5.2
CAN	HNX	3.71	1,216.1	3,609	5.9
AGR	HOSE	13.03	(28.9)	297	9.3
CNG	HOSE	13.53	5.8	3,142	6.8
SBA	HOSE	6.12	(77.2)	1,282	10.9
VTJ	HNX	(0.53)	(108.9)	614	10.1
DHT	HNX	31.38	32.8	4,506	10.9
IMP	HOSE	41.11	13.2	3,385	15.4
HRC	HOSE	0.83	34.6	263	131.9
SMB	HOSE	19.11	(53.9)	6,187	4.8
PHR	HOSE	137.97	31.6	3,755	11.3
PGT	HNX	6.32	1,807.2	(576)	(8.5)
VHL	HNX	23.27	(11.1)	4,981	4.5
BRC	HOSE	4.49	1.3	1,572	7.1
AAM	HOSE	0.67	(78.9)	565	20.2
TRC	HOSE	20.31	416.0	3,325	7.7
SAF	HNX	12.13	2.3	5,338	11.1
HAX	HOSE	5.45	17.1	1,437	7.0
DPC	HNX	0.52	(36.7)	2,429	3.7
DRL	HOSE	12.16	(35.2)	5,164	10.0
TET	HNX	0.98	(71.3)	763	39.6
HVG	HOSE	(254.00)	(1,502.4)	(2,779)	(2.1)
HSG	HOSE	181.11	198.6	1,157	5.6
SJ1	HNX	5.24	107.4	1,337	18.7
SFC	HOSE	9.10	(14.0)	-	-
CAP	HNX	6.75	82.0	-	-

# Tăng giảm ngành trong ngày



## Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

**Bất động sản:** CLG, IDJ, PDR

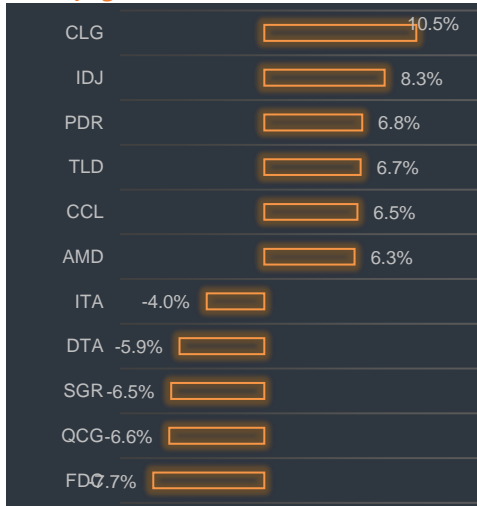
**Xây dựng:** PVX, CTX, DID

**Dầu khí:** PVB, PVD, PVS

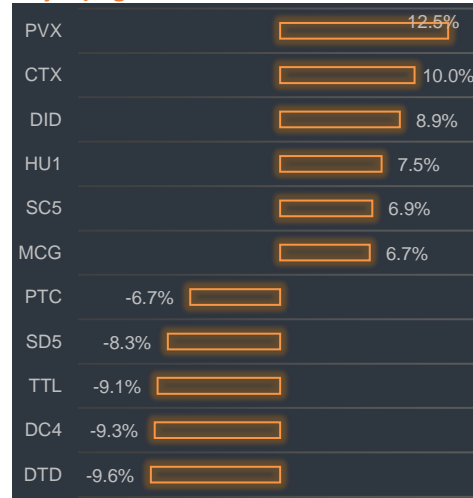
**Chứng khoán:** VIG, SHS, APG

**Ngân hàng:** CTG, VCB, MBB

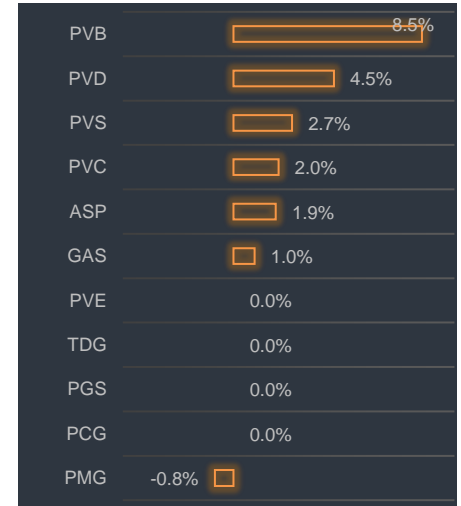
### Bất động sản



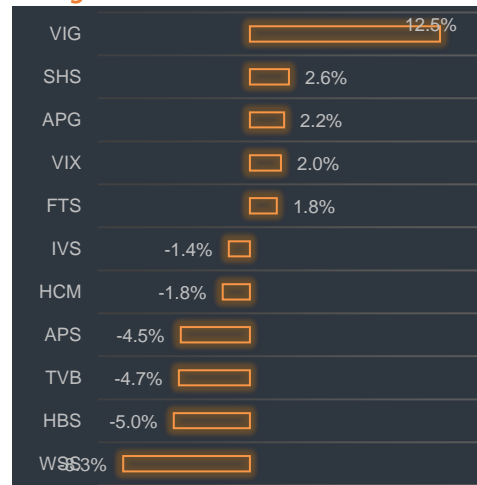
### Xây dựng



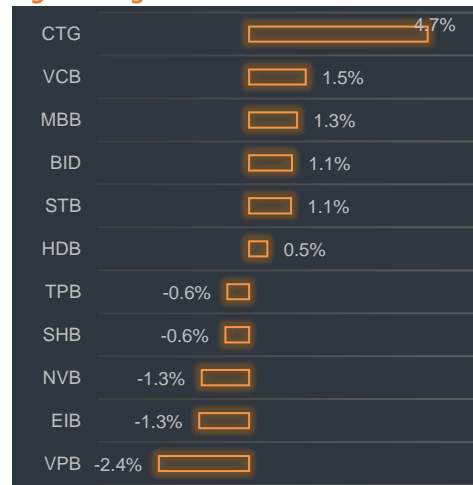
### Dầu khí



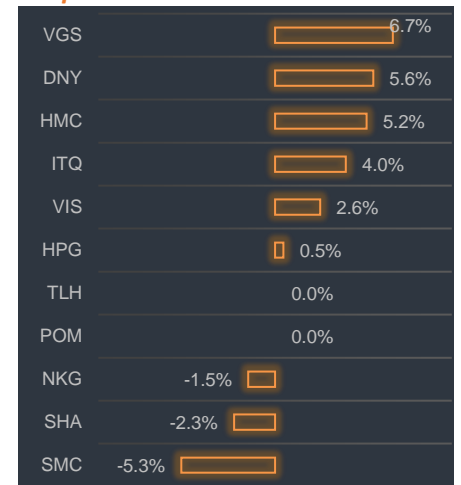
### Chứng khoán



### Ngân hàng



### Thép







## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh

Tel: 0983.999.350

khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931